

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-3-2025
V/v: “Ly hôn, T/c về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh

2. Bà La Thị Thu Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Trang-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần T- Kiểm sát viên.

Ngày 25 - 3 - 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 111/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Á, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ G, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ G, ấp P, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ Á trình bày:

Bà Á và ông Bùi Văn K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2008, được UBND xã B, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 145, ngày 20/10/2008; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi lấy nhau cả hai về chung sống tại địa chỉ tổ G, ấp P, xã H, huyện X;

Bà Á và ông K chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông K không chăm lo cho gia đình, không chăm lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc; từ tháng 02/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai; do đó bà Á yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà Á và ông K có 02 con chung là Bùi Thụy Kiều T1, sinh ngày 01/8/2009 và Bùi Thụy Ngọc T2, sinh ngày 06/01/2011. Hiện nay bà Á đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng 8 triệu đồng; bà Á yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Bà Á xác định vợ chồng có tài sản chung gồm:

Diện tích đất 1.798,5m² thửa đất 63 tờ bản đồ số 188 xã H; nguồn gốc đất do mua của bà Lê Thị Mỹ C từ năm 2010, giá mua là 250.000.000 đồng, khi mua có viết giấy tay. Hiện nay đất đã được UBND xã H cấp giấy biên nhận, nhưng chưa được cấp GCNQSD đất.

Diện tích đất 6.037,3m² thửa đất số 4 tờ bản đồ số 188 xã H; nguồn gốc đất vợ chồng mua của ông Nguyễn Hữu B từ năm 2010, giá mua bán là 225.000.000 đồng. Hiện nay đất đã được UBND xã H cấp giấy biên nhận, nhưng chưa được cấp GCNQSD đất.

Tuy nhiên bà Á xin rút yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Á và ông K không có nợ chung.

2. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Mỹ Á về thời điểm và điều kiện kết hôn, con chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm ly thân. Ông K đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Á.

Về con chung: Ông K yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung là Bùi Thụy Kiều T1, sinh ngày 01/8/2009 và Bùi Thụy Ngọc T2, sinh ngày 06/01/2011, không yêu cầu bà Á cấp dưỡng cho con; hiện ông K đang làm công nhân tại thành phố V, mỗi tuần về nhà 01 lần, thu nhập mỗi tháng 10 triệu đồng.

Về tài sản: Diện tích đất 17.980m² thửa đất 63 tờ bản đồ số 188 xã H và diện tích đất 6.037,3m² thửa đất số 4 tờ bản đồ số 188 xã H là tài sản ông K mua trước khi kết hôn với bà Á nên là tài sản riêng của ông K.

Ông K đồng ý về việc bà Á rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản nêu trên.

Về tài nợ chung: Ông K và bà Á không có nợ chung.

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

+Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đúng theo những quy định của Điều 203 BLTTDS;

+ *Về nội dung*: Bà Á và ông K thuận tình ly hôn đề nghị ghi nhận tự nguyện này của các bên. Bà Á và ông K cùng có thu nhập, nhưng xét về nguyện vọng của con chung muốn được ở với mẹ, đề nghị giao cả 02 con chung cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung bà Á rút yêu cầu, về nợ chung không có yêu cầu, ông K đồng ý với yêu cầu rút này của bà Á nên đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu này của bà Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung, bị đơn cư trú tại huyện X; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS), HĐXX xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Xuyên Mộc.

[2] Về hôn nhân: Bà Á và ông K được UBND xã B, huyện X cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 01), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà Á và ông K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Bà Á và ông K cùng xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông K không chăm lo cho gia đình, không chăm lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chung sống không còn hạnh phúc; từ tháng 02/2023 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà Á và ông K đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã có mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế dẫn đến ly thân, mạnh ai người đó sống, không lo lắng, chăm sóc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên bà Á và ông K cùng thống nhất ly hôn nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 Luật HN&GD thì “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con*”. Bà Á yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung là Bùi Thụy Kiều T1, sinh ngày 01/8/2009 và Bùi Thụy Ngọc T2, sinh ngày 06/01/2011; căn cứ để yêu cầu: Bà Á hiện đang làm công nhân, sáng đi chiều về, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng, trong thời gian ly hôn 02 năm nay đã chăm sóc tốt cho các con nên không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Ông K yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, căn cứ để yêu cầu: Ông K hiện đang làm công nhân tại thành phố V, mỗi tuần về 01 lần, thu

nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, có thể chăm sóc tốt cho con nên không yêu cầu bà Á cấp dưỡng.

Xét thấy, cả bà Á, ông K đều có thu nhập có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung, đặc thù công việc của cả hai bên đều tương đồng nhau; tuy nhiên bà Á sáng đi làm chiều về nên đảm bảo chăm sóc con cái, ngược lại ông K đi làm ở thành phố V, mỗi tuần chỉ về nhà 01 lần, ngoài ra ông K thừa nhận trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2023 đến nay con chung do bà Á chăm sóc, đảm bảo việc học hành và phát triển thể chất; mặt khác cả 02 con chung đều có nguyện vọng được sống cùng bà Á. Như vậy xét về “*Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ*”, “*Nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ*” và đề “*Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con*” và bảo đảm “*quyền lợi về mọi mặt của con*”, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Á, giao cả 02 con chung cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về tài sản chung: Do bà Á rút yêu cầu về tài sản chung, ông K không yêu cầu nên HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà Á. Bà Á và ông K được quyền khởi kiện tranh chấp bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Bà Á và ông K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, quyết định.

[7] Về phát biểu của Kiểm sát viên: Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, thống nhất với quan điểm giải quyết vụ án của HĐXX nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Á đối với ông Bùi Văn

K về “*Ly hôn, Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

1.1. Về hôn nhân: Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Mỹ Á và ông Bùi Văn K thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng cho con: Bà Nguyễn Thị Mỹ Á được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thụy Kiều T1, sinh ngày 01/8/2009 và Bùi Thụy Ngọc T2, sinh ngày 06/01/2011 cho đến khi lần lượt các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi phát sinh các căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con. Ông K không phải cấp dưỡng cho con do bà Á không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà Á, ông K đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà Á và những người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ Á về yêu cầu được chia tài sản chung là diện tích đất 1.798,5m² thửa đất 63 tờ bản đồ số 188 và diện tích đất 6.037,3m² thửa đất số 4 tờ bản đồ số 188 xã H, huyện X.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Á và ông Bùi Văn K được quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

1.4. Về nợ chung: Bà Á và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Á phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) bà Á đã nộp theo biên lai thu số 0011796 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hoàn trả cho bà Á số tiền đã nộp còn lại là 14.700.000đ (*Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*).

2.2. Ông Bùi Văn K không phải chịu án phí.

3. Về phát biểu của Kiểm sát viên: Ghi nhận phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo và VKSND cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 01

tháng, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/3/2025).

5. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Bưng Riềng (Số 145 ngày 20/10/2008);
- Lưu hồ sơ, VT.

Nguyễn Duy Đạt

